|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**Phụ lục phân tích kết quả PAPI, PAR-INDEX năm 2017.**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /5/2018*

*của Ủy ban nhân dân tinh)*

**I. Đối với chỉ số PAPI (Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh).**

PAPI là công cụ theo dõi và đánh giá hiệu quả thực thi chính sách liên quan đến quản trị và hành chính công, đo lường mức độ hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật của Việt Nam. PAPI tập trung tìm hiểu hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công dựa trên đánh giá và trải nghiệm của người dân, bao gồm 6 chỉ số nội dung, 22 chỉ số nội dung thành phần và hơn 90 chỉ tiêu về hiệu quả quản trị và hành chính công .

Trong thời gian qua, PAPI của Hà Tĩnh luôn thuộc nhóm 16 tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước, năm 2010 xếp thứ 2/32, năm 2011 xếp thứ 5/63, năm 2012 xếp thứ 4/63, năm 2013 xếp thứ 5/63, năm 2014 không xếp hạng, năm 2015 xếp thứ 1/63, năm 2016 xếp thứ 2/63 và năm 2017 xếp thứ 12/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. So với năm 2016, PAPI năm 2017 của tỉnh Hà Tĩnh giảm 10 bậc về thứ hạng và giảm 1,12 điểm (từ 39,32 điểm năm 2016 xuống còn 38,20 điểm năm 2017).

Trong sáu chỉ số nội dung, chỉ có chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch”có điểm số tăng nhẹ (tăng 0,22 điểm) còn lại 05 chỉ số nội dung đều giảm điểm so với năm 2016. Có 02 chỉ số nội dung thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước, trong đó chỉ số nội dung “Tham gia người dân ở cấp cơ sở” có số điểm cao nhất cả nước. Có 02 chỉ số nội dung thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao cả nước (Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Cung ứng Dịch vụ công), 01 chỉ số nội dung thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp cả nước (Thủ tục hành chính công) và 01 chỉ số nội dung thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm thấp nhất cả nước (Trách nhiệm giải trình với người dân)

Trong 22 chỉ số nội dung thành phần thuộc 06 chỉ số nội dung của PAPI 2017 có 14 chỉ số nội dung thành phần giảm điểm và 8 chỉ số nội dung thành phần tăng điểm so với năm 2016.

**1. Chỉ số nội dung 1: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: 6,41 điểm** *(giảm 0,4 điểm so với năm 2016).*

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này là 5,34/10 điểm. Hà Tĩnh đạt 6,41 điểm, xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, mặc dù số điểm giảm so với năm 2016 nhưng vẫn giữ vững vị trí xếp hạng. Có 04 chỉ số nội dung thành phần thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước, tuy nhiên 4 chỉ số này đều giảm điểm so với năm 2016, đặc biệt chỉ số nội dung thành phần “Cơ hội tham gia” năm 2016 đạt điểm cao nhất cả nước giảm 0,19 điểm trong năm 2017, cụ thể như sau:

*Điểm các chỉ số nội dung thành phần và so với năm 2016.*

1.1 Tri thức công dân về tham gia: 1,47/1,48 điểm (giảm 0,01 điểm)

1.2 Cơ hội tham gia: 1,94/2,13 điểm (giảm 0,19 điểm)

1.3 Chất lượng bầu cử: 1,75/1,78 điểm (giảm 0,03 điểm)

1.4 Đóng góp tự nguyện: 1,25/1,42 điểm (giảm 0,17 điểm).

**2. Chỉ số nội dung 2: Công khai, minh bạch: 6,36 điểm *(****tăng 0,22 điểm so với năm 2016).*

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này là 5,69/10 điểm, Hà Tĩnh đạt 6,36 điểm, xếp thứ 3/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, tăng 07 bậc so với năm 2016 và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất (thứ nhất: tỉnh Quảng Bình: 6,47 điểm, thứ hai: tỉnh Hải Dương: 6,42 điểm (. Ba chỉ số nội dung thành phần đều nằm trong nhóm đạt điểm cao nhất cả nước, trong đó có hai chỉ số nội dung thành phần tăng so với năm 2016 và 01 chỉ số nội dung thành phần giảm so với năm 2016.

Nhìn chung ở cấp tỉnh, chỉ số nội dung này không có nhiều tiến bộ trong thúc đẩy công khai, minh bạch xét từ điểm số trung bình các tiêu chí. Điểm yếu tồn tại qua nhiều năm ở các tỉnh, thành phố trong cả nước vẫn là công khai, minh bạch trong quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất. Ở Hà Tĩnh, theo khảo sát, tỷ lệ bình quân người dân có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến cho quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất đạt 5,35%, trên trung bình chung cả nước 1,35% (cả nước 4%).

*Điểm các chỉ số nội dung thành phần và so với năm 2016.*

2.1 Danh sách hộ nghèo: 2,54/2,43 điểm (tăng 0,11 điểm).

Mặc dù ở nội dung này tăng điểm nhưng 1 số nội dung người dân đánh giá thấp như:

- Có những hộ thực tế rất nghèo nhưng không được đưa vào danh sách hộ nghèo: 30,7% số người trả lời cho là đúng.

 - Có những hộ thực tế không nghèo nhưng lại được đưa vào danh sách hộ nghèo: 40,35% số người trả lời cho là đúng.

2.2 Thu, chi ngân sách cấp xã, phường: 1,87/1,89 điểm (giảm 0,02 điểm)

Có một số chỉ tiêu chính đạt tỷ lệ thấp:

- Tỉ lệ người trả lời cho biết đã từng đọc bảng kê thu chi ngân sách: 32,64%.

- Thu chi ngân sách của xã/phường được công bố công khai: 49,59%

2.3 Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất/khung giá đền bù: 1,95/1,82 điểm (tăng 0,13 điểm).

Mặc dù ở nội dung này tăng điểm nhưng đánh giá của người dân thấp đó là:

- Tỷ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường đạt thấp: 24,06%.

- Tỉ lệ người trả lời được biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hiện thời của địa phương: 29,79%.

 - Tỉ lệ người trả lời cho biết họ có dịp góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương: 5,35%

 -Tỉ lệ người trả lời cho biết hộ gia đình bị thu hồi đất được đền bù với giá xấp xỉ giá thị trường: 24,06%.

**3. Chỉ số nội dung 3: Trách nhiệm giải trình với người dân: 4,65 điểm** *(giảm 0,26 điểm so với năm 2016).*

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này là 5,03/10 điểm, Hà Tĩnh đạt 4,65 điểm, xếp thứ 51/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, thấp hơn tỉnh có điểm số cao nhất là 1,6 điểm (Nam Định) và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm thấp nhất cả nước, giảm 18 bậc về thứ hạng so với năm 2016. Chỉ số này không được thay đổi về thứ hạng trong hai năm liên tục (2016 và 2017). Tuy vậy, có chỉ số nội dung thành phần “Hiệu quả của Ban Thanh tra nhân dân” nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đat đạt điểm cao nhất, chỉ số nội dung thành phần “Đáp ứng kiến nghị của người dân” nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp và chỉ số nội dung thành phần “Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền” nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm thấp nhất.

*Điểm các chỉ số nội dung thành phần so với năm 2016.*

3.1 Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền: 1,79/2,14 điểm (giảm 0,35 điểm)

3.2 Đáp ứng kiến nghị của người dân: 1,21/1,13 điểm (tăng 0,08 điểm)

3.3 Hiệu quả của Ban thanh tra Nhân dân: 1,65/1,63 điểm (tăng 0,02 điểm)

**4. Chỉ số nội dung 4: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: 6,56 điểm** *(giảm 0,16 điểm so với năm 2016).*

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này là 6,15/10 điểm, Hà Tĩnh đạt 6,56 điểm, xếp thứ 20/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (giảm 15 bậc so với năm 2016), thấp hơn tỉnh có điểm số cao nhất 0,67 điểm (Long An) và từ nhóm các tỉnh thành phố đạt điểm cao nhất năm 2016 xuống nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước. Bốn chỉ số nội dung thành phần đều nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước. Có ba chỉ số nội dung thành phần giảm điểm so với năm 2016 và 01 chỉ số nội dung thành phần thành phần tăng điểm so với năm 2016.

Qua đánh giá của người dân cho thấy tình trạng vòi vĩnh, nhũng nhiễu đòi đưa hối lộ của cán bộ công chức trên toàn tỉnh thuyên giảm rất nhiều: Tỉ lệ người trả lời cho biết KHÔNG bị vòi vĩnh đòi hối lộ trong 12 tháng vừa qua đạt 95,93% (%). Đây là ghi nhận lớn lao của người dân và doanh nghiệp đối với nỗ lực của tỉnh trong cung ứng dịch vụ hành chính công đặc biệt là sự ra đời của Trung tâm Hành chính công tỉnh và các trung tâm hành chính công cấp huyện trong năm 2017. Sự ghi nhận của người dân được tăng lên đối với việc công bằng trong thi tuyển công chức Nhà nước.s

 *Điểm các chỉ số nội dung thành phần so với năm 2016.*

4.1 Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền: 1,75/1,97 điểm (giảm 0,22 điểm)

4.2 Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công: 2,00/2,02 điểm (giảm 0,02 điểm).

4.3 Công bằng trong tuyển dụng vào Nhà nước: 1,13/1,01 điểm (tăng 0,12 điểm)

4.4 Quyết tâm chống tham nhũng: 1,68/1,73 điểm (giảm 0,05 điểm)

**5. Chỉ số nội dung 5: Thủ tục hành chính công: 7,11 điểm** *(giảm 0,4 điểm so với năm 2016)*

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này là 7,16/10 điểm. Hà Tĩnh đạt 7,11 điểm, xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (giảm 32 bậc so với năm 2016), thấp hơn điểm trung bình toàn quốc 0,05 điểm và thấp hơn tỉnh có điểm số cao nhất 0,58 điểm (Bến Tre); thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình thấp cả nước. Có ba chỉ số nội dung thành phần giảm điểm so với năm 2016 và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước, 01 chỉ số nội dung thành phần tăng điểm so với năm 2016 và 01 chỉ số nội dung thành phần thuộc nhóm các tỉnh, thành phố thấp nhất cả nước (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Với chỉ số nội dung “Thủ tục hành chính công”, tỉnh Hà Tĩnh nằm trong nhóm 3 tỉnh (Hà Tĩnh, Bắc Cạn và Cần Thơ) có điểm giảm mạnh nhất của cả nước (trên 5%).

*Điểm các chỉ số nội dung thành phần so với năm 2016:*

5.1 Chứng thực, xác nhận: 1,80/1,99 điểm (giảm 0,19 điểm)

5.2 Giấy phép xây dựng: 1,87/1,83 điểm (tăng 0,04 điểm)

5.2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1,54/1,71 điểm (giảm 0,17 điểm)

5.3 Thủ tục hành chính cấp xã/ phường: 1,90/1,98 điểm (giảm 0,08 điểm)

**6. Chỉ số nội dung 6: Cung ứng dịch vụ công: 7,11 điểm (**giảm 0,11 điểm so với năm 2016)

Điểm trung bình toàn quốc của chỉ số nội dung này đạt 7,14/10 điểm. Hà Tĩnh đạt 7,11 điểm và thấp hơn điểm trung bình chung của cả nước 0,03 điểm, thấp hơn tỉnh có điểm số cao nhất 0,72 điểm. Xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (giảm 11 bậc so với năm 2016), thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình cao của cả nước.

Có 02 chỉ số nội dung thành phần thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm cao nhất cả nước (Dịch vụ y tế công lập và Dịch vụ Giáo dục tiểu học công lập), 01 chỉ số nội dung thành phần thuộc nhóm các tỉnh, thành phố có điểm trung bình cao cả nước và 01 chỉ số nội dung thành phần thuộc nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm thấp nhất cả nước (Cơ sở hạ tầng cơ bản).

So sánh với năm 2016: Có 03 chỉ số nội dung thành phần giảm điểm, 01 chỉ số nội dung thành phần bằng điểm.

*Điểm các chỉ số nội dung thành phần so với năm 2016:*

6.1 Dịch vụ Y tế công lập: 2,09/2,17 điểm (giảm 0,08 điểm).

6.2 Dịch vụ Giáo dục tiểu học công lập: 1,72/1,72 điểm (giữ nguyên điểm).

6.3 Cơ sở hạ tầng căn bản: 1,63/1,67 điểm (giảm 0,04 điểm)

6.4 An ninh trật tự: 1,67/1,66 điểm (giảm 0,01 điểm).

**II. Đối với chỉ số PARINDEX (Chỉ số Cải cách hành chính)**

Năm 2017, Bộ Nội vụ thực hiện đánh giá, chấm điểm PARINDEX theo Bộ chỉ số mới ban hành kèm theoQuyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 29/12/2017 (thay thế Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 29/12/2016 ) với nhiều tiêu chí, tiêu chí thành phần mới được bổ sung, thay thế so các tiêu chí trong Bộ chỉ số cũ; cách thức chấm điểm của từng tiêu chí có nhiều điểm mới làm ảnh hưởng đến việc so sánh kết quả qua hai năm 2017 và 2016. Do vậy, UBND tỉnh chỉ phân tích kết quả điểm cụ thể của chỉ số PARINDEX tỉnh năm 2017.

 ParIndex gồm đánh giá bên trong của cơ quan (có thẩm định của Hội đồng Thẩm định Trung ương) và đánh giá bên ngoài, bao gồm: doanh nghiệp và người dân. Nội dung của Chỉ số được xác định trên 8 lĩnh vực, gồm: Công tác chỉ đạo điều hành CCHC; Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Cải cách tài chính công ; Hiện đại hóa hành chính; Tác động của cải cách đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tổng điểm của Par Index là 100 điểm với phương pháp đánh giá: thông qua kết quả tự chấm điểm của địa phương (đánh giá bên trong) với số điểm tối đa là 64,5/100 điểm và kết quả điều tra xã hội học (đánh giá bên ngoài) với số điểm tối đa là 34,5/100 điểm.

Kết quả chỉ số PARINDEX Hà Tĩnh 2017 cụ thể như sau:

Tổng điểm đánh giá: 81,54/100 điểm, trong đó: Điểm thẩm định: 50,10/64,5 điểm, điểm đánh giá tác động: **31,45/34,5** điểm (trong đó: Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân- SIPAS là một tiêu chí quan trọng được cấu thành trong Bộ chỉ số mới đạt: 12/12 điểm. Năm 2017 bổ sung, đánh giá Khảo sát chất lượng Công chức, lãnh đạo quản lý đạt 16,45/19 điểm và tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội tỉnh đạt 3/3,5 điểm).

Điểm cụ thể của từng lĩnh vực như sau:

**1. Công tác chỉ đạo điều hành: 8/10 điểm** (xếp thứ 22 trong số các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương).

Lý do trừ điểm:

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Chậm (Báo cáo tình hình Ứng dụng CNTT quý III ban hành muộn (ngày 14/9) (- 01 điểm).

- Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Chậm (Theo báo cáo số 1270/BC-TCTTTg ngày 27/12/2017 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, trong năm 2017 tỉnh còn 01 nhiệm vụ chưa hoàn thành (- 01 điểm)

**2.** **Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL tại tỉnh**: **8,55/10 điểm** (xếp thứ 25 trong số các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương).

Lý do chưa đạt điểm tối đa: Điểm đánh giá tác động (qua khảo sát ĐTXHH) của cải cách chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành đạt: 3,55/5 điểm (-1,45 điểm).

**3**. **Cải cách thủ tục hành chính: 11,47/14,5 điểm** (xếp thứ 51 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Lý do trừ điểm:

- Công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh chậm: Ngày 10/11/2017 Bộ GTVT đã ban hành quyết định số 3133/QĐ-BGTVT công bố 04 TTHC lĩnh vực đường bộ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT và công khai lên CSDLQG (mã số: B-BGTVT-285766, -BGTVT-285767, -BGTVT-285768, -BGTVT-285769). Tuy nhiên, đến hết năm 2017, tỉnh chưa thực hiện công bố danh mục TTHC trên (- 01 điểm).

- Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố chậm: Do công bố TTHC không đầy đủ kịp thời (lĩnh vực đường bộ) nên không có căn cứ để thực hiện công khai (- 01 điểm).

- Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC chưa đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC (Kết quả thanh tra tại Huyện Lộc Hà (số 149/KL-ĐKtr) cho thấy, việc công khai, niêm yết TTHC tại Bộ phận TN&TKQ chưa được cập nhật thường xuyên (-0,5 điểm).

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 97% = 0,97/01 điểm (-0,3 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 94,5% (- 01 điểm).

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn: 99,47% 9 (-0,01 điểm).

**4. Cải cách tổ chức bộ máy: 9,09/11 điểm** (xếp thứ 13 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính: Có dưới 100% số CQCM cấp tỉnh có số lượng cấp phó không quá 03 người (-0,5 điểm).

- Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính: 3,09/4,5 điểm (-1,41 điểm).

 5. **Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: 13,48/16 điểm** (xếp thứ 7 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

 Lý do trừ điểm:

- Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh: Chưa đúng quy định (Kết luận thanh tra tại huyện Lộc Hà năm 2017 cho thấy, còn sai phạm trong tuyển dụng giáo viên mầm non) (- 0,5 điểm).

- Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức: Có cán bộ công chức, viên chức làm việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã bị kỷ luật (- 0,5 điểm).

- Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức: 1,69/2 điểm (0,31 điểm).

**6. Cải cách tài chính công: 5,1/7 điểm** (xếp thứ 41 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Lý do trừ điểm:

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính: Chưa đạt 100% (còn 33/262 đơn vị cấp xã chưa thực hiện quy định về tự chủ.

- Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công: 2,1/3 điểm (-0,9 điểm).

7. **Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước: 10,85/16 điểm** (xếp thứ 24 trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Lý do trừ điểm: Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm: 21/690 = 0,03% (- 0,5 điểm).Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3: 0,63/1 điểm (-0,37 điểm).Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: Chỉphát sinh 01 hồ sơ (-01 điểm).Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: 13/132 = 9% (-0,5 điểm).Không có hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI (-01 điểm)Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định: 52/262 = 19,84% (-01 điểm).Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính: 3,2/4 điểm (-0,8 điểm).

**8. Tác động cải cách đến phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh: 15/15,5 điểm**

Lý do trừ điểm: Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm đạt 16,6% (-0,5 điểm).

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH** |